



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Năm 2022

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	3
2. Ngành nghề đăng ký kinh doanh	4
3. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh	5
4. Danh mục sản phẩm chủ lực của Công ty	6
5. Các giải thưởng tiêu biểu:	6
6. Cơ cấu tổ chức Công ty	7
8. Công ty con, công ty liên kết	8
9. Công ty mẹ của công ty đại chúng, công ty mà công ty đại chúng nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng ...	8
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	8
11. Định hướng phát triển của Công ty	9
12. Nhân tố rủi ro	10
II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022	11
1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022:	11
2. Tổ chức và nhân sự:	13
3. Chính sách lao động	15
4. Chính sách cổ tức	17
5. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: không phát sinh mới.	17
6. Tình hình tài chính:	17
7. Cơ cấu cổ đông:	20
8. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty	21
III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	21
1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022	21
2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2022	22
3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2023	22
4. Các giải pháp chủ yếu	22
IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2022	23
2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022:	23
3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:	24
4. Kế hoạch cần thực hiện trong năm 2023:	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. Hội đồng Quản trị	24
2. Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị	29
3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích liên quan	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 (KIỂM TOÁN)	31

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Tên tiếng Anh	: QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION
Tên viết tắt	: QNWCORP
Trụ sở chính	: Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Vốn điều lệ đăng ký	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Điện thoại	: 0203 3844196
Fax	: 0203 3847311
Email	: nuockhoangquangninh@yahoo.com.vn
Website	: http://nuockhoangquangninh.com.vn/



Người đại diện pháp luật : Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày chính thức trở thành công ty đại chúng: 15/04/2016 (theo Công văn số 1952/UBCK-GSĐC ngày 15/4/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13/12/2021.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Nước khoáng Quảng Ninh, được thành lập ngày 17/7/1989 theo Quyết định số 381/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 1993, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được sáp nhập vào Công ty Duyên Hải Quảng Ninh theo quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 15/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và trở thành một đơn vị thành viên của Công ty Duyên Hải Quảng Ninh trực thuộc Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2002, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được tách ra và đổi tên thành Công ty Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 463/QĐ-UB ngày 28/1/2002 và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.

- Năm 2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 2492/QĐ-UB ngày 26/7/2004 và trực thuộc văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2006, Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng Quảng Ninh được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo quyết định số 32 – QĐ/VPTU ngày 10/01/2006 của Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Ninh.
- Ngày 19/10/2015, Tỉnh ủy Quảng Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại, Dịch vụ Quảng Ninh thành công ty cổ phần tại Quyết định số 03-QĐ-TU. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
- Ngày 02/12/2015, Công ty đã phối hợp với CTCP Chứng khoán Bản Việt thực hiện bán đấu giá công khai thành công 159.100 cổ phần (chiếm 1,99% vốn điều lệ) tại CTCP Chứng khoán Bản Việt (do tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng) với giá khởi điểm 11.100 đồng/cổ phần. Giá đấu thành công cao nhất: 13.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 11.100 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 11.421 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/12/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- Ngày 22/12/2016: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (“UpCom”) do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức.

2. Ngành nghề đăng ký kinh doanh

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	1104 (chính)	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
2	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3	4633	Bán buôn đồ uống
4	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
5	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
6	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
7	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

3. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất sử dụng (m ²)	Diện tích nhà (m ²)	Hình thức giao/thuê đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn thuê đất
1	Văn phòng Công ty và Phân xưởng Suối Mơ 1 – Tổ 3A, khu 4, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh (là trụ sở chính)	2.856,1	2.209,4	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trụ sở làm việc văn phòng Công ty và Phân xưởng sản xuất nước khoáng Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 03/2029
2	Phân xưởng Suối Mơ 2 – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh (là chi nhánh)	2.855	2.170	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 08/2029
3	Khu giếng khoan Suối Mơ 2 – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh	360	-	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Khu giếng khoan	Thời hạn thuê đến 8/2029
4	Tuyến ống dẫn nước Suối Mơ 2 – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh	1.160	-	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Tuyến ống dẫn nước	Thời hạn thuê đến 8/2029
5	Phân xưởng Quang Hanh – Tổ 5, Khu 4B, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh (là chi nhánh)	2.001	2.128,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 03/2029
6	Khu phụ trợ sản xuất phân xưởng Quang Hanh - Tổ 3, Khu 4A, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	5.176,6	1.008	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Nhà xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 07/2063
Tổng cộng		14.408,7	7.515,9			

4. Danh mục sản phẩm chủ lực của Công ty

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chủ yếu sản xuất và kinh doanh nước khoáng được khai thác từ nguồn suối khoáng tại Quảng Ninh. Sản phẩm sản xuất chính hiện nay bao gồm:

- ✚ Dòng sản phẩm khoáng thiên nhiên: Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh bổ sung ga 500 ml, nước khoáng Quang hanh Faith - hương vị chanh muối 355 ml;
- ✚ Dòng sản phẩm Nước uống đóng chai: Nước uống Suối Mơ bình 18,9L.



Tên sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh bổ sung ga.

Quy cách đóng gói: chai nhựa 500ml

Đây là một sản phẩm hoàn toàn có nguồn gốc từ thiên nhiên, với hàm lượng khoáng hóa cao để phân biệt so với bất kỳ loại nước khoáng khác. Một sản phẩm của thiên nhiên ban tặng chỉ riêng có Ở Quảng Ninh



Nước khoáng Quang Hanh: Faith - hương vị Chanh muối

Quy cách đóng gói: chai nhựa 355ml

Nước khoáng được cung cấp Được bổ sung Vitamin C và các yếu tố Vi lượng cung cấp một số khoáng chất cần thiết cho cơ thể, vị chanh muối dễ uống



Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 18.9L

Loại bình 18,9 lít.

Gồm loại có van mở rất tiện lợi để dùng cho gia đình và loại không có vòi rót dùng cho máy nóng lạnh chuyên dùng.

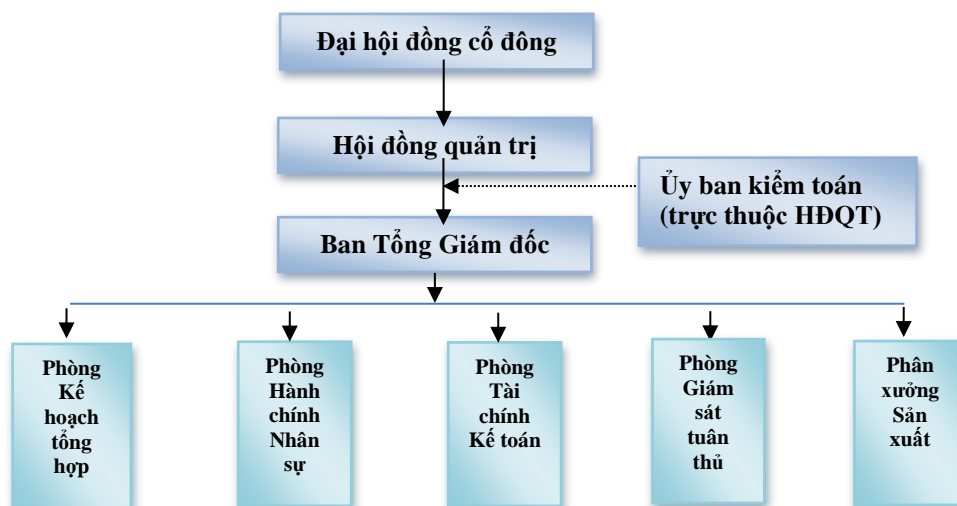
5. Các giải thưởng tiêu biểu:

Các sản phẩm của Công ty đạt huy chương vàng Hội chợ Quốc tế về Thực Phẩm và đồ uống VN – 2003; Chứng nhận sản phẩm đạt danh hiệu: Nhãn hiệu cạnh tranh Quốc gia năm 2006, Thương hiệu có uy tín trên thị trường và nhiều năm liên tục được công nhận là Hàng việt Nam

chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn, “Top 10 Công ty đồ uống uy tín” theo Vietnam Report 2017.

6. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



✚ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần.

✚ **Hội đồng Quản trị (gồm Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị):**

- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Mô hình Hội đồng Quản trị bao gồm Ủy ban kiểm toán trực thuộc được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt vào ngày 09/4/2021. Ủy ban kiểm toán hoạt động gồm 02 thành viên, là các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành của Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

✚ **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, gồm Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

✚ **Phòng kế hoạch tổng hợp**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn. Là cầu nối giữa nhu cầu thị trường và các bộ phận trong toàn Công ty. Đánh giá và đề xuất đầu tư nguồn lực (máy móc, trang thiết bị) cho kế hoạch kinh doanh dài hạn.

✚ **Phòng Hành chính nhân sự**

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý sử dụng lao động, tiền lương và công tác văn thư hành chính.

Phòng Tài chính Kế toán

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện công tác kế toán, thống kê, kiểm toán và thanh, quyết toán nội bộ.

Phòng Giám sát tuân thủ

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về quản lý và điều hành công tác chất lượng sản phẩm.

Phân xưởng Sản xuất

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đảm bảo an toàn lao động, chất lượng sản phẩm. Công ty có 02 phân xưởng sản xuất: phân xưởng sản xuất Suối Mơ & phân xưởng sản xuất Quang Hanh.

8. Công ty con, công ty liên kết

- Công ty con của Công ty đại chúng: Không có.
- Công ty liên kết của Công ty đại chúng: Không có.

9. Công ty mẹ của công ty đại chúng, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

Công ty mẹ:

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà MPLaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ vốn cổ phần sở hữu thực tế tại Công ty: 65,85%, tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trực tiếp: Không có.

Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty trực tiếp: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage (thông tin trình bày tại mục Công ty mẹ).

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

a) Vị thế của Công ty trong ngành

Trên thị trường hiện có nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ nước khoáng thiên nhiên cùng với hình thức phân phối, khuyến mại, xúc tiến bán hàng khá đa dạng tạo lên áp lực cạnh tranh cao. Tuy nhiên đánh giá về lợi thế và tiềm năng, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh có những ưu điểm tạo nên vị thế cao trong ngành.

- Hiện Công ty đang quản lý và khai thác sản xuất kinh doanh 06 Giếng khoan là các mỏ nước khoáng Thiên nhiên do Bộ Tài nguyên & Môi trường quản lý - Cục khai thác khoáng sản và Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh cấp phép. Trữ lượng và thời gian được cấp quyền khai thác đủ điều kiện gia tăng sản lượng mục tiêu và phát triển mở rộng thị phần tiêu thụ trong nước.
- Các mỏ khoáng của Công ty có trữ lượng cao, thành phần khoáng chất đa dạng, phù hợp cho sản xuất đồ uống tiêu dùng. Đặc biệt nguồn nước khoáng Thiên nhiên Quang Hanh có hàm lượng muối khoáng cao được các nhà khoa học đánh giá riêng có bậc nhất khu vực Đông Nam Á. Các nguồn nước khoáng do Công ty quản lý khai thác có đủ điều kiện và đã tạo lên sự khác biệt so với các sản phẩm đồng dạng khác trong ngành.
- Công ty có 14.408,7 m² mặt bằng công nghiệp trong đó trên 7.500m² nhà xưởng cùng hệ thống máy móc đủ điều kiện sản xuất trên 70 triệu lít nước khoáng các loại trên năm. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề, làm chủ thiết bị công nghệ hiện có và có đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới, vận hành thiết bị hiện đại theo xu thế phát triển ngành.
- Công ty có nhiều nhãn hiệu có uy tín cao trong ngành và được người tiêu dùng tin yêu lựa chọn sử dụng.

b) Triển vọng phát triển của ngành

- Các sản phẩm của Công ty đều được sản xuất theo hai hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế HACCP và ISO 9001: 2008, tại nguồn các mỏ khoáng có những tính chất riêng phù hợp với xu thế tiêu dùng trong hiện tại và tương lai. Đặc biệt các sản phẩm sản xuất tại lỗ khoan số 4 – Quang Hanh có hàm lượng khoáng hóa cao nhận được các nhà chuyên môn đánh giá cao.
- Có thể khẳng định các sản phẩm của công ty đều có đủ các điều kiện và đã trở thành thương hiệu mạnh được tin dùng trong toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài. Ta có thể thấy được thị trường của Công ty còn nhiều tiềm năng phát triển mở rộng và nâng cao sản lượng tiêu thụ.

11. Định hướng phát triển của Công ty

📌 Kế hoạch tổ chức thị trường

- Giữ vững và ổn định các khu vực thị trường truyền thống, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xu thế thị trường.
- Công ty đặt ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường từ Đà Nẵng trở vào, đây là những vùng thị trường thời tiết nóng nắng quanh năm, có tiềm năng rất cao trong việc tiêu thụ các sản phẩm từ nguồn nước khoáng Quang Hanh, tạo điều kiện duy trì công tác sản xuất liên tục cho Công ty trong những tháng mùa đông.

📌 Kế hoạch về sản phẩm

➤ Đối với các sản phẩm truyền thống

- Thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có.

- Duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng, từ đó Công ty phát triển các sản phẩm mới có tính kế thừa từ các nguồn nước khoáng sẵn có mà Công ty đang quản lý khai thác.

➤ *Đối với công tác phát triển sản phẩm mới*

- Việc được quản lý khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên từ nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh là một lợi thế riêng có của Công ty. Đây cũng là điều kiện đủ quan trọng nhất để Công ty tập trung nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới có giá trị thương mại cao.
- Sản phẩm mới sẽ được phát triển trên cơ sở đánh giá phân khúc khách hàng, theo thị trường tiêu thụ nhưng phải đảm bảo được yếu tố đặc thù riêng có của từng nguồn nước khoáng thiên nhiên mà Công ty đang quản lý khai thác.

📌 **Kế hoạch về tài chính**

- Duy trì việc thực hiện quản lý tài chính theo pháp lệnh kế toán thống kê. Tranh thủ các chính sách về vay vốn, giảm thuế của Nhà nước cũng như các ưu đãi khác của địa phương trong lĩnh vực đầu tư, phát triển sản phẩm, xuất khẩu.
- Tận dụng triệt để các nguồn vốn tự có, thực hiện vay vốn đầu tư theo lộ trình tương ứng các giai đoạn đầu tư sao cho phù hợp với tốc độ phát triển, kết quả tiêu thụ theo kế hoạch đề ra nhằm hạn chế thấp nhất các khoản chi phí tài chính về vốn vay.
- Tăng vòng quay vốn nhất là vốn thuộc các sản phẩm có giá trị thương mại cao thông qua việc áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán đối với khách hàng. Phần đầu tăng vòng quay vốn đầu tư cho bao bì luân chuyển thông qua công tác quản lý thu hồi và sử dụng bao bì luân chuyển để giảm vốn vay ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đa dạng hóa các phương thức thanh toán linh hoạt đối với các nhà cung cấp, tận dụng tốt nhất khả năng có thể đối với nguồn vốn vật tư thông qua các nhà cùng cấp nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, tập trung cho công tác mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

12. Nhân tố rủi ro:

- **Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào:** năm 2022 diễn ra trong tình hình kinh tế đang bước vào giai đoạn phục hồi dần sau đại dịch Covid 19. Tuy vậy, với các khó khăn do lạm phát thế giới tăng nhanh; cuộc xung đột chính trị giữa Nga – Ukraine; chính sách Zero Covid của chính phủ Trung Quốc đã khiến giá nguyên liệu đầu vào biến động tăng làm ảnh hưởng đến chính sách giá bán của Công ty.
- **Rủi ro cạnh tranh:** thị trường nước giải khát là thị trường rất nhiều tiềm năng do đó tạo nên sự cạnh tranh gay gắt khốc liệt giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành: vừa phải cung cấp được sản phẩm an toàn thực phẩm, chất lượng vừa phải có giá thành hợp lý để thu hút người tiêu dùng. Điều này khiến việc giữ và phát triển thị trường ngày càng khó khăn hơn.
- **Rủi ro bất khả kháng:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, cháy nổ,...là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022:

Trải qua một năm kinh doanh nhiều khó khăn, tập thể Công ty đã ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 khả quan và vượt kế hoạch năm 2022 đã đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần đạt 259 tỷ đồng, cao hơn 20% so với năm 2021 và đạt 118% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 40 tỷ đồng, cao hơn 61% so với năm 2021 và đạt 161% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).
- Các sản phẩm chủ lực với nhãn hiệu Suối Mơ, Quang Hanh tiếp tục là các nhãn hiệu tăng trưởng của Công ty.

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH 2022

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (mức thấp)	Thực hiện năm 2022	Tăng/ (giảm)	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Doanh thu thuần	220	259	39	118%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông Công ty	25	40	15	161%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Các chỉ tiêu tài chính cụ thể:

Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm:

Bảng: Doanh thu thuần qua các năm

ĐVT: tỷ VND

	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng	210	99,5%	214	99,5%	258	99,6%
Doanh thu khác	1	0,5%	1	0,5%	1	0,4%
Tổng cộng	211	100,0%	215	100,0%	259	100,0%

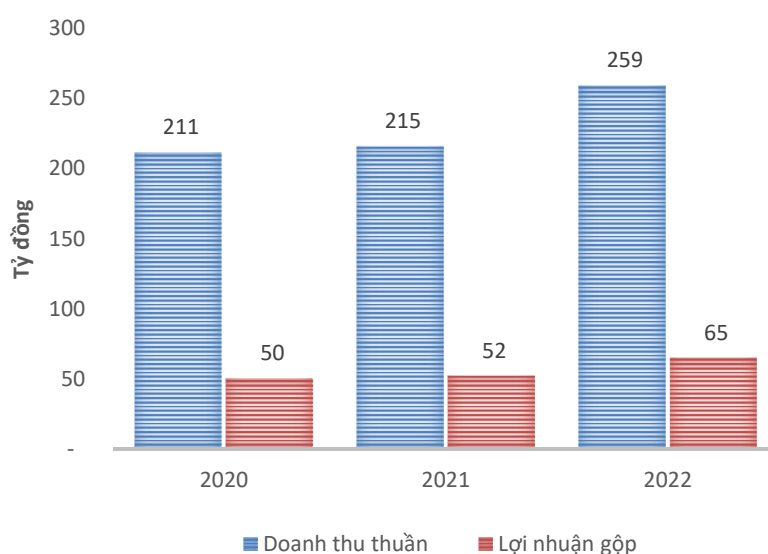
Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Bảng: Lợi nhuận gộp qua các năm

ĐVT: tỷ VND

	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Lợi nhuận gộp bán hàng	50	23,7%	52	24,2%	65	25,1%
Lợi nhuận gộp khác	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Tổng cộng	50	23,7%	52	24,2%	65	25,1%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



Đơn vị tính: Tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	186	203	243	20%
Vốn chủ sở hữu	167	182	213	17%
Doanh thu thuần	211	215	259	20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33	32	50	60%
Kết quả từ các hoạt động khác	0,1	(0,1)	0,5	503%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33	31	51	62%
Lợi nhuận sau thuế	26	25	40	61%
Giá trị sổ sách 1 cổ phần (Vốn chủ sở hữu/cổ phần đang lưu hành)_ VND/cổ phần	20.866	22.800	26.647	17%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	12%	12%	16%	4%


Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

2. Tổ chức và nhân sự:

a) **Ban điều hành:** Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm 04 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

b) **Sơ yếu lý lịch thành viên Ban điều hành:**

 **Ông Đàm Sơn - Tổng Giám đốc:**

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1959
- Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa XN

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.000 cổ phiếu, tỷ lệ 0,04%.
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu; Cổ phần cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phiếu.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có.
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 8.700 cổ phiếu, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em – Đàm Thị Bích Thu, nắm giữ: 6.600 cổ phiếu.
 - Mối quan hệ: Con – Đàm Thị Thu Giang, nắm giữ: 100 cổ phiếu
 - Mối quan hệ: Em dâu – Mai Thu Hương, nắm giữ: 2.000 cổ phiếu.

🏆 Ông Nguyễn Hữu Chính – Phó Tổng Giám đốc:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 09/03/1966
 - Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Kinh tế lao động
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.700 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần; Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 9.200 cổ phần, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em – Nguyễn Hữu Mỹ, nắm giữ: 3.000 cổ phiếu
 - Mối quan hệ: Vợ – Nguyễn Thị Mên, nắm giữ: 3.300 cổ phiếu
 - Mối quan hệ: Em dâu – Đỗ Thùy Dương, nắm giữ: 2.900 cổ phiếu

🏆 Ông Huỳnh Ngọc Bảo – Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 29/04/1974
 - Trình độ: Kỹ sư chế tạo máy chuyên ngành tự động hóa; Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghiệp và Sản xuất, chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Kế hoạch cung ứng Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

🚩 Bà Phạm Thị Thu Hương – Kế toán trưởng

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974
 - Trình độ: Cử nhân khoa học ngành tin học, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.900 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần; Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.900 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 200 cổ phần, cụ thể:
 - Mối quan hệ: Em – Phạm Thị Hậu, nắm giữ: 200 cổ phiếu.

3. Chính sách lao động

a) Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là 177 người. Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn và theo phân công lao động như sau:

Yếu tố	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Tổng số lượng người lao động	177	100%
- Trên Đại học	1	0,56%
- Đại học	49	27,68%
- Cao đẳng	14	7,91%
- Trung cấp	18	10,17%
- Lao động phổ thông	95	53,68%

b) Chính sách đối với người lao động

🚩 Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

- Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).
- Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm đau, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc,

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Hàng năm Công ty lập kế hoạch cụ thể về việc tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho người lao động.
- Công ty có thể kết hợp đào tạo tại chỗ (đào tạo thực hành) với gửi đi đào tạo hoặc mở lớp mời giảng viên bên ngoài (đào tạo lý thuyết) đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật, nhân viên bán hàng; để nâng cao và có đủ năng lực, trình độ, am hiểu về công nghệ sản xuất, các kiến thức pháp luật về kinh doanh, thương mại quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương trên cơ sở đánh giá kết quả công việc theo mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc, khả năng, kinh nghiệm và năng lực của từng cán bộ công nhân viên đóng góp cho Công ty. Người lao động được trả lương theo thời gian tháng trừ các trường hợp đặc biệt sẽ do Tổng Giám đốc công ty quyết định và được ghi rõ trong Hợp đồng lao động. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức tăng lương hàng năm dựa vào thành tích của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Chính sách khen thưởng: Công ty hàng năm có thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động và thưởng hàng năm.
- Thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động được áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhóm trưởng/tổ trưởng sản xuất, trưởng ca khi hoàn thành hoặc vượt năng suất, khi đạt được tiêu chuẩn đánh giá riêng của từng Nhà máy, từng bộ phận trong từng giai đoạn khác nhau với các mức thưởng khác nhau và được điều chỉnh theo từng thời điểm.
- Thưởng hàng năm được căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty tùy phòng ban, vị trí cụ thể.
- Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động,

tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức các phong trào văn thể... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số hỗ trợ khác như thai sản, hiếu hỉ, sinh nhật,... mức hỗ trợ được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình thực tế.

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc trích nộp BHYT, BHXH, BHTN và thanh toán kịp thời các chế độ Bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.

Mức lương bình quân

- Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2022 là 11,4 triệu đồng/người/tháng.

4. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi nộp đầy đủ các khoản thuế, thanh toán các khoản nợ đến hạn, trích lập các quỹ và bù đắp các khoản lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ tức chỉ được trả ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.
- Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và hình thức trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức mỗi quý hoặc hai quý một lần nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lợi và tình hình kinh doanh của Công ty nhưng phải báo cáo để ĐHĐCĐ xem xét tại cuộc họp thường niên khi kết thúc năm tài chính.
- Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 với mức 12%/ năm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tổng số tiền là 9.575.000.000 đồng.

5. Tình hình thực hiện dự án đầu tư: không phát sinh mới.

6. Tình hình tài chính:

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	31.033.218.967	58.291.977.373
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	28.047.762.753	54.829.379.107
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.847.393.200	3.007.677.854
Phải thu ngắn hạn khác	138.063.014	454.920.412

Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
Nợ ngắn hạn	15.623.379.221	20.785.584.116
Phải trả người bán ngắn hạn	5.469.617.398	11.757.604.343
Thuế và các khoản nộp Nhà nước	1.647.371.544	3.615.585.079
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.230.874.540	5.142.096.146
Phải trả ngắn hạn khác	117.615.739	112.398.548
Quỹ khen thưởng phúc lợi	157.900.000	157.900.000
Nợ dài hạn	5.028.707.000	9.735.666.000
Phải trả người bán dài hạn	-	4.631.850.000
Dự phòng phải trả dài hạn	5.028.707.000	5.103.816.000
Tổng cộng	20.652.086.221	30.521.250.116

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	10,27	9,52
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	9,56	9,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	10,19	12,55
- Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,35	14,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,22	19,82
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,11	1,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,60	15,56
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,35	20,42
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,87	18,07
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	14,63	19,45

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2022:

Đơn vị: VND

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	74.664.417.049	24.044.804.116	32,20%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	32.671.760.054	8.060.271.952	24,67%
2	Máy móc thiết bị	38.043.141.884	15.425.286.639	40,55%
3	Phương tiện vận chuyển	3.878.217.657	559.245.525	14,42%
4	Thiết bị văn phòng	71.297.454	-	0,00%
II	TSCĐ vô hình	18.686.432.798	6.351.000.000	33,99%
1	Quyền khai thác	17.564.185.000	6.351.000.000	36,16%
2	Phần mềm máy vi tính	1.122.247.798	-	0,00%
	Tổng cộng	93.350.849.847	30.395.804.116	32,56%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

7. Cơ cấu cổ đông:

a) Thông tin cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : QHW
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu : 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá : 80.000.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ : 20.600 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 7.979.400 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 7.979.400 cổ phiếu

b) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần đang lưu hành của Công ty

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	0312797567	Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	5.254.100	65,85%
02	Tỉnh ủy Quảng Ninh		Số 73 Nguyễn Văn Cừ - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	1.152.900	14,45%
Tổng cộng				6.407.000	80,3%

c) Cổ đông sáng lập: Không có

d) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	422	7.940.800	99,26%
1	Cá nhân	417	1.320.600	16,51%
2	Tổ chức	5	6.620.200	82,75%
II	Cổ đông nước ngoài	2	38.600	0,48%
1	Cá nhân	1	2.400	0,03%
2	Tổ chức	1	36.200	0,45%
III	Cổ phiếu quỹ	1	20.600	0,26%

Tổng cộng	425	8.000.000	100%
------------------	------------	------------------	-------------

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/9/2022 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh.

8. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty.

Để giảm thiểu các tác hại của quá trình SXKD đối với môi trường, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam.

- Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời tình hình sử dụng không hợp lý.
- Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất.
- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường.
- Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
- Cam kết vận hành và xử lý các chỉ tiêu về nước thải, khí thải, chất thải,... đạt theo quy định liên quan trước khi xả thải ra môi trường.

III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022

- Năm 2022 Công ty tiếp tục đầu tư 01 dây chuyền tự động 12.000 chai/h tại cơ sở Quang Hanh, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; thực hiện một số dự án sửa chữa cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Đồng thời Công ty cũng luôn chủ động bố trí sử dụng hiệu quả nguồn lao động sản xuất trong những tháng cao điểm, nhằm đảm bảo cung ứng đủ hàng hóa theo nhu cầu bán hàng.
- Tập thể Cán bộ nhân viên Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ ở mức tốt nhất có thể. Công ty luôn chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, nguồn nhân lực một cách có hiệu quả và tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất.
- **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt được như sau:**
 - Doanh thu thuần đạt 259 tỷ đồng, cao hơn 120% so với năm 2021 và vượt 118% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 40 tỷ đồng, cao hơn 161% so với năm 2021 và vượt 161% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).
 - Sản lượng tiêu thụ đạt 51,88 triệu lít, cao hơn 101% so với năm 2021.

Doanh thu thuần tăng do trong năm qua Công ty tập trung tăng doanh số bán hàng thêm 43 tỷ so với năm 2021. Riêng Sản phẩm chủ lực Nước khoáng Quang Hanh Faith - hương vị Chanh muối tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu doanh thu bán hàng của Công ty khi góp phần tăng 48 tỷ đồng so với năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế tăng do doanh thu thuần tăng và Công ty trong năm qua đã tiết giảm và kiểm soát tốt chi phí sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Ban điều hành năm 2022

- Tập trung chỉ đạo xây dựng các mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về các lĩnh vực có liên quan đến công tác sản xuất của Công ty.
- Chỉ đạo các phòng ban, chuyên môn và đơn vị trong Công ty thực hiện tốt các kế hoạch được giao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng sản phẩm, công tác an toàn lao động....
- Chỉ đạo đơn vị thực hiện các dự án đầu tư, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng theo đúng kế hoạch đặt ra.

3. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2023

- Công ty bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2023 trong điều kiện hết sức khó khăn, suy thoái kinh tế toàn cầu sau đại dịch COVID 19, sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, giá vật tư nguyên liệu đầu vào luôn có sự biến động.
- Năm 2023 là năm Công ty sẽ giữ ổn định nguồn nhân lực, tập trung chỉ đạo công tác sản xuất đạt năng suất cao, triệt để tiết kiệm chi phí đầu vào cho sản xuất, thực hiện tốt nhất các dự án đầu tư, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng theo đúng kế hoạch đặt ra.
- Theo đó, mục tiêu năm 2023 của Công ty được đặt ra như sau:

(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2023	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	260	280
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38	43

4. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu

- Thực hiện phương án sắp xếp sử dụng nguồn nhân lực, máy móc thiết bị hiện có để đảm bảo việc sản xuất nhằm cung cấp đầy đủ hàng hóa cho thị trường trong các tháng cao điểm mùa hè.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, chất lượng sản phẩm, An toàn lao động... trong điều kiện hiện có của Công ty.
- Các phòng ban, phân xưởng phải bám sát các chỉ tiêu đã xây dựng: CP, KPIs, OGSM, GMIT để thực hiện. Hàng tháng phải xem xét đánh giá để kịp thời khắc phục những điểm chưa phù hợp.

- Duy trì hiệu quả việc thực hiện đánh giá KPIs nhằm tạo môi trường làm việc có động lực, hiệu quả cho người lao động.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2022

Năm 2022 mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng nền kinh tế sau dịch bệnh vẫn còn rất khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Hội đồng Quản trị đã từng bước chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy chữa cháy,...không xảy ra bất cứ sự cố vi phạm nào.

Kết quả năm 2022 tăng trưởng tốt đối với cả chỉ tiêu về doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế, cụ thể:

- Doanh thu thuần đạt 259 tỷ đồng, cao hơn 120% so với năm 2021 và vượt 118% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).
- Lợi nhuận sau thuế đạt 40 tỷ đồng, cao hơn 161% so với năm 2021 và vượt 161% so với kế hoạch năm 2022 (mức thấp).

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022:

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo sát sao Ban điều hành thực hiện công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu của việc sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 duyệt thù lao như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 30.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 20.000.000 đồng/tháng/người.
- Do có một số thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thù lao nên tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị năm 2022 là 240.000.000 đồng. Chi tiết mức thù lao ghi nhận tại mục 3 Phần V Quản trị Công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ mỗi quý và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. 100% cuộc họp đều được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục với sự tham gia đầy đủ, tích cực, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Năm 2022 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.
- Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.

4. Mục tiêu năm 2023

Năm 2023 được đánh giá là năm phục hồi nền kinh tế - xã hội trở lại, là cơ hội cho sự tăng trưởng của các ngành hàng nói chung và cho ngành hàng đồ uống nói riêng. Theo đó, Hội đồng Quản trị Công ty cân nhắc đề xuất mục tiêu năm 2023 như sau:


(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2023	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	260	280
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38	43

Kế hoạch cần thực hiện trong năm 2023:

- Tiếp tục đầu tư, cải tiến hệ thống máy móc thiết bị, tự động hóa máy móc nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Chủ động các giải pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- Đa dạng hóa sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới và mở rộng thị trường tiêu thụ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

 Hội đồng Quản trị Công ty bao gồm 06 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Không điều hành
2	Đàm Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
3	Nguyễn Chí Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
4	Trần Phương Bắc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
5	Huỳnh Việt Thăng	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
6	Trần Tuấn Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành

a) Ông Nguyễn Thiều Nam – Chủ tịch HĐQT

❖ Thông tin chung:

- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;
- Thành viên Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
- Thành viên Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH Masan Brewery;
- Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials;
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Brewery MB;
- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer;
- Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Vonfram Masan;
- Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần The CrownX;
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco;

- Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc - Công ty TNHH Nông Nghiệp Đồng Nai – Wineco;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc - Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Và Phát Triển Nông Nghiệp Wineco – Tam Đảo.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: Không có.
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có.
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.

b) Đàm Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc: vui lòng xem tại mục 2.II Tổ chức và nhân sự.

c) Ông Trần Phương Bắc – Thành viên Hội đồng quản trị:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 25/01/1974
 - Trình độ: Thạc sĩ Luật
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100% - Công ty Luật TNHH MTV Tư Vấn Đầu Tư & Chứng Khoán;
 - Giám đốc – Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - Giám đốc – Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Farm);
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MNS Meat Processing;
 - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MNS Farm;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị – Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science);
 - Thành viên Hội đồng Quản trị – Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce;
 - Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH The Sherpa.
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần The CrownX.
 - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Dr. Win
 - Chủ Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Zenith Investment
 - Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Masan Agri

- Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco.

- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

d) Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 14/08/1973
 - Trình độ: Đại học
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha;
 - Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT – Công ty Cổ phần Bột giặt NET;
 - Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch UBKT - Công ty cổ phần Masan MEATLife;
 - Phó Giám đốc - Công ty TNHH Masan Master Brewer
 - Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution
 - Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

e) Ông Trần Tuấn Cường – Thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 08/10/1974
 - Trình độ: Đại học
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Giám đốc Kinh doanh toàn quốc - Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan

- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

f) Ông Nguyễn Chí Thành – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán:

- ❖ Thông tin chung:
 - Ngày tháng năm sinh: 05/12/1980
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 1.152.900 cổ phần, chiếm 14,45 % vốn cổ phần đang lưu hành

Trong đó:

 - Cổ phần đại diện sở hữu cho Tỉnh ủy Quảng Ninh: 1.152.900 cổ phần
 - Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có.

Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị ban hành tổng cộng 03 Nghị quyết, Quyết định để thông qua các nội dung sau:
 - Chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 và phê duyệt các vấn đề đề trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.
 - Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.
- Năm 2022, không phát sinh giao dịch liên quan giữa Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị

📌 Ủy ban kiểm toán bao gồm 02 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Nguyễn Chí Thành	Thành viên Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị và có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Hội đồng Quản trị xác định năng lực của các thành viên, năng lực, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

- Ông Huỳnh Việt Thăng – Chủ tịch: không nắm giữ cổ phần của Công ty.
- Ông Nguyễn Chí Thành – Thành viên: đại diện cho cổ đông Tỉnh ủy Quảng Ninh nắm giữ 1.152.900 cổ phần, chiếm 14,45 % vốn cổ phần đang lưu hành (*).

(* dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/9/2022 của Công ty CP Nước khoáng Quảng Ninh.

📌 Chức danh mà các thành viên Ủy ban kiểm toán nắm giữ tại các công ty khác.

- Ông Huỳnh Việt Thăng – Chủ tịch: tham khảo tại mục 1 Hội đồng Quản trị.
- Ông Nguyễn Chí Thành – Thành viên: tham khảo tại mục 1 Hội đồng Quản trị.

📌 Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2022:

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Trong năm 2022, Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.
- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập.
- Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung sau:

- Đánh giá hiệu quả việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty kiểm toán; Thống nhất số liệu tài chính năm 2022 của Công ty trình HĐQT.
- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị; đánh giá các giao dịch liên quan mà Công ty đã thực hiện trong năm 2022.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích liên quan

a) Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trong năm 2022:

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch HĐQT	0
2	Đàm Sơn	Thành viên HĐQT	0
3	Huỳnh Việt Thăng	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0
4	Trần Tuấn Cường	Thành viên HĐQT	0
5	Trần Phương Bắc	Thành viên HĐQT	0
6	Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán	240.000.000
Tổng cộng			240.000.000

Ghi chú: Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm Ông Nguyễn Thiệu Nam, Ông Đàm Sơn, Ông Huỳnh Việt Thăng, Ông Trần Tuấn Cường, Ông Trần Phương Bắc có văn bản không nhận thù lao hoạt động.

- b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ trong năm 2022:** không phát sinh.
- c) **Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ trong năm 2022:**

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	Bán hàng hóa và dịch vụ: 258.746.205.469 đồng Mua hàng hóa: 87.123.215 đồng	
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Người có liên quan của người nội bộ	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Mua hàng hóa: 96.354.545 đồng	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 (KIỂM TOÁN)



**Công ty Cổ phần Nước khoáng
Quảng Ninh**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiệu Nam
 Ông Đàm Sơn
 Ông Trần Phương Bắc
 Ông Trần Tuấn Cường
 Ông Huỳnh Việt Thăng
 Ông Nguyễn Chí Thành

Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đàm Sơn
 Ông Nguyễn Hữu Chính
 Ông Huỳnh Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tổ 3A, Khu 4
 Phố Suối Mơ
 Phường Bãi Cháy
 Thành phố Hạ Long
 Tỉnh Quảng Ninh
 Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00971-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		197.849.832.011	160.375.365.909
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	110.520.439.675	117.847.958.839
Tiền	111		1.020.439.675	847.958.839
Các khoản tương đương tiền	112		109.500.000.000	117.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.291.977.373	31.033.218.967
Phải thu của khách hàng	131	6	54.829.379.107	28.047.762.753
Trả trước cho người bán	132		3.007.677.854	2.847.393.200
Phải thu ngắn hạn khác	136		454.920.412	138.063.014
Hàng tồn kho	140	7	8.629.229.432	10.938.323.928
Hàng tồn kho	141		8.629.229.432	10.957.832.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.508.606)
Tài sản ngắn hạn khác	150		408.185.531	555.864.175
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		408.185.531	555.864.175
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		45.300.344.921	42.204.076.800
Các khoản phải thu dài hạn	210		962.717.000	962.717.000
Phải thu dài hạn khác	216		962.717.000	962.717.000
Tài sản cố định	220		30.395.804.116	23.265.940.362
Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.044.804.116	22.564.486.618
Nguyên giá	222		74.664.417.049	77.304.837.254
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.619.612.933)	(54.740.350.636)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.351.000.000	701.453.744
Nguyên giá	228		18.686.432.798	12.116.432.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.335.432.798)	(11.414.979.054)
Tài sản dài hạn khác	260		13.941.823.805	17.975.419.438
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.211.107.975	17.050.711.256
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	730.715.830	924.708.182
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		243.150.176.932	202.579.442.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		30.521.250.116	20.652.086.221
Nợ ngắn hạn	310		20.785.584.116	15.623.379.221
Phải trả người bán	311		11.757.604.343	5.469.617.398
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	3.615.585.079	1.647.371.544
Chi phí phải trả	315	13	5.142.096.146	8.230.874.540
Phải trả ngắn hạn khác	319		112.398.548	117.615.739
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.900.000	157.900.000
Nợ dài hạn	330		9.735.666.000	5.028.707.000
Phải trả người bán	331		4.631.850.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	14	5.103.816.000	5.028.707.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		212.628.926.816	181.927.356.488
Vốn chủ sở hữu	410	15	212.628.926.816	181.927.356.488
Vốn cổ phần	411	16	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	16	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	16	(247.200.000)	(247.200.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.700.043.816	101.998.473.488
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		92.423.193.488	76.995.876.330
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		40.276.850.328	25.002.597.158
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		243.150.176.932	202.579.442.709

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán Trưởng



Đám Sơn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	258.880.316.732	215.489.192.122
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	193.940.755.188	163.343.828.564
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		64.939.561.544	52.145.363.558
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.913.039.323	3.046.215.226
Chi phí tài chính	22		12.460.000	-
Chi phí bán hàng	25		3.338.031.185	2.926.520.750
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.142.935.736	20.738.502.468
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		50.359.173.946	31.526.555.566
Thu nhập khác	31		477.733.919	432.791
Chi phí khác	32		26.396.236	112.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		451.337.683	(111.567.209)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.810.511.629	31.414.988.357
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	10.339.668.949	6.286.808.386
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	193.992.352	125.582.813
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.276.850.328	25.002.597.158
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.048	3.133

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yến
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	50.810.511.629	31.414.988.357
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	6.227.075.673	6.297.179.695
Các khoản dự phòng	03	75.109.000	(1.629.311.269)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.100.000)	-
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(4.357.550.110)	(3.000.715.226)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	52.746.046.192	33.082.141.557
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(26.926.194.300)	32.724.083.130
Biến động hàng tồn kho	10	2.309.094.496	(437.822.924)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.474.953.211	3.217.382.280
Biến động chi phí trả trước	12	4.302.072.625	5.128.554.743
		34.905.972.224	73.714.338.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.187.837.265)	(6.604.316.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.718.134.959	67.110.022.513
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.666.405.994)	(12.904.295.007)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	487.532.000	-
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(74.000.000.000)	(70.000.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	54.000.000.000	74.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.707.929.871	2.992.885.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.470.944.123)	(5.911.409.918)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.574.710.000)	(9.574.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.574.710.000)	(9.574.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.327.519.164)	51.623.902.595
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	117.847.958.839	66.224.056.244
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	110.520.439.675	117.847.958.839

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 177 nhân viên (1/1/2022: 197 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.020.439.675	847.958.839
Các khoản tương đương tiền	109.500.000.000	117.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	110.520.439.675	117.847.958.839

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	20.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	54.825.739.012	28.043.819.863

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.605.800.000	-
Nguyên vật liệu	6.015.280.031	-	5.502.875.938	-
Công cụ và dụng cụ	2.613.949.401	-	3.830.721.899	-
Thành phẩm	-	-	18.434.697	(19.508.606)
	8.629.229.432	-	10.957.832.534	(19.508.606)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	19.508.606	5.024.586
Tăng dự phòng trong năm	-	19.508.606
Sử dụng dự phòng trong năm	(19.508.606)	(5.024.586)
Số dư cuối năm	-	19.508.606

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không có (1/1/2022: 20 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.732.790.886	41.622.531.257	3.878.217.657	71.297.454	77.304.837.254
Tăng trong năm	-	139.595.580	-	-	139.595.580
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	938.969.168	5.718.565.892	-	-	6.657.535.060
Thanh lý	-	(9.437.550.845)	-	-	(9.437.550.845)
Số dư cuối năm	32.671.760.054	38.043.141.884	3.878.217.657	71.297.454	74.664.417.049
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.605.588.339	28.988.770.570	3.074.694.273	71.297.454	54.740.350.636
Khấu hao trong năm	2.005.899.763	3.056.444.307	244.277.859	-	5.306.621.929
Thanh lý	-	(9.427.359.632)	-	-	(9.427.359.632)
Số dư cuối năm	24.611.488.102	22.617.855.245	3.318.972.132	71.297.454	50.619.612.933
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	9.127.202.547	12.633.760.687	803.523.384	-	22.564.486.618
Số dư cuối năm	8.060.271.952	15.425.286.639	559.245.525	-	24.044.804.116

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 31.559 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 27.313 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác nước khoáng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.994.185.000	1.122.247.798	12.116.432.798
Tăng trong năm	6.570.000.000	-	6.570.000.000
Số dư cuối năm	17.564.185.000	1.122.247.798	18.686.432.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.292.731.256	1.122.247.798	11.414.979.054
Khấu hao trong năm	920.453.744	-	920.453.744
Số dư cuối năm	11.213.185.000	1.122.247.798	12.335.432.798
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	701.453.744	-	701.453.744
Số dư cuối năm	6.351.000.000	-	6.351.000.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.638.971.481	12.537.484.618	1.874.255.157	17.050.711.256
Tăng trong năm	-	-	567.018.272	567.018.272
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	314.790.700	314.790.700
Phân bổ trong năm	(224.593.311)	(3.134.371.155)	(1.362.447.787)	(4.721.412.253)
Số dư cuối năm	2.414.378.170	9.403.113.463	1.393.616.342	13.211.107.975

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả và dự phòng	764.949.664	1.064.192.766
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(34.233.834)	(139.484.584)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	730.715.830	924.708.182
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	589.448.914	20.918.726.769	(8.364.040.522)	(12.816.033.013)	328.102.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	874.579.981	10.339.668.949	(9.187.837.265)	-	2.026.411.665
Thuế thu nhập cá nhân	69.962.872	1.880.553.947	(1.875.796.719)	-	74.720.100
Thuế tài nguyên	112.714.448	7.580.637.318	(6.511.467.086)	-	1.181.884.680
Các loại thuế khác	665.329	1.285.519.897	(1.281.718.740)	-	4.466.486
	1.647.371.544	42.005.106.880	(27.220.860.332)	(12.816.033.013)	3.615.585.079

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Thưởng và lương tháng 13	4.966.769.914	7.938.617.708
Chi phí khác	175.326.232	292.256.832
	<hr/>	<hr/>
	5.142.096.146	8.230.874.540

14. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.028.707.000	6.677.526.875
Tăng dự phòng trong năm	75.109.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.648.819.875)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.103.816.000	5.028.707.000

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	86.571.156.330	166.500.039.330
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.002.597.158	25.002.597.158
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	101.998.473.488	181.927.356.488
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	40.276.850.328	40.276.850.328
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	132.700.043.816	212.628.926.816

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	20.600	247.200.000	20.600	247.200.000
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000	7.979.400	79.794.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		176.083.000		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

17. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 14 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2021: 9.575 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.325.496.096	1.049.423.220
Trong vòng 2 đến 5 năm	848.601.984	848.601.984
Sau 5 năm	1.025.614.364	1.449.915.356
	3.199.712.444	3.347.940.560

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.148.924.936	5.554.271.616
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.609.440.877	4.748.614.851
	9.758.365.813	10.302.886.467

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.880.316.732	215.489.192.122
	258.880.316.732	215.489.192.122

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	193.940.755.188	163.324.319.958
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	19.508.606
	193.940.755.188	163.343.828.564

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.880.209.323	3.000.715.226
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.830.000	45.500.000
	3.913.039.323	3.046.215.226

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.554.712.978	15.276.955.204
Chi phí khấu hao	252.338.719	334.948.724
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	180.497.051	212.826.748
Chi phí khác	5.155.386.988	4.913.771.792
	15.142.935.736	20.738.502.468

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	146.766.102.364	113.935.072.466
Chi phí nhân viên	37.591.174.131	45.966.902.387
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.227.075.673	6.297.179.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.167.572.564	11.945.956.149
Chi phí khác	7.669.797.377	8.863.741.085

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	10.037.869.221	6.286.808.386
Dự phòng thiếu trong những năm trước	301.799.728	-
	10.339.668.949	6.286.808.386
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	193.992.352	125.582.813
	10.533.661.301	6.412.391.199

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.810.511.629	31.414.988.357
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.162.102.326	6.282.997.671
Chi phí không được khấu trừ thuế	69.759.247	129.393.528
Dự phòng thiếu trong những năm trước	301.799.728	-
	10.533.661.301	6.412.391.199

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập tính thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm, là 40.276.850.328 VND (2021: 25.002.597.158 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 7.979.400 cổ phiếu (2021: 7.979.400 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	40.276.850.328	25.002.597.158

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	7.979.400	7.979.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm – hiện đang lưu hành	7.979.400	7.979.400

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022	2021
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.048	3.133

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage		
Cổ tức	6.304.920.000	6.304.920.000
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	258.746.205.469	215.383.895.749
Mua hàng hóa	87.123.215	333.162.450
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery		
Distribution		
Mua hàng hóa	96.354.545	50.075.455
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	41.973.391	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	3.729.959.952	3.904.012.217

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch	-	-
Ông Đàm Sơn	Thành viên	-	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-	-
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc	2.181.767.544	2.294.106.044

27. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán Trưởng



Đàm Sơn
 Tổng Giám đốc

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Ủy ban CK Nhà nước;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THIỀU NAM